

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK	Am	1	90	70	75	78	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118070	LÊ HỒNG ANH	DH13CC	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	AN	1	80	40	60	62	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ ANH	DH12OT	anh	1	80	70	90	86	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137014	LÊ CÔNG BẢO	DH13NL	Bcs	1	90	65	10	92	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	Bao	1	90	55	10	90	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD	B	1	70	70	65	70	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHUÔNG	DH12CD	lyhuong	1	90	20	45	50	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154058	ĐÀU VĂN CÔNG	DH10OT	Cong	1	0	65	80	71	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH12OT	Cu	1	90	85	60	72	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153041	NGUYỄN CHỈ CƯỜNG	DH12CD	Cu	1	90	55	60	66	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	hust	1	0	70	25	39	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD	AN	1	80	45	10	87	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD	Duy	1	0	60	70	64	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL	Lv	1	90	60	70	73	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154069	BÙI THÀNH ĐÁO	DH12OT	Bui Ba	1	90	65	75	77	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	Pho	1	90	50	70	71	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>Đạt</i>	1	6.0	6.0	7.0	7.0	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11153016	TRẦN THANH HIỂU	DH11CD	<i>Hiệu</i>	1	9.0	8.5	7.5	7.6	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138068	LÊ HOÀNG ĐÚ	DH12TD	<i>Đu</i>	1	9.0	8.5	9.0	9.0	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154215	BÙI ĐỨC GIANG	DH12OT	<i>Giăng</i>	1	7.0	9.0	5.5	6.8	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD	<i>Thánh</i>	1	6.0	4.5	7.0	6.7	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118014	BÙI VĂN HẢO	DH13CC	<i>Hiệu</i>	1	6.0	0	4.0	3.5	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT	<i>Hi</i>	1	9.0	9.0	5.5	7.0	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138046	NGUYỄN THẾ HIỀN	DH12TD	<i>Hiên</i>	1	9.0	6.0	6.5	7.0	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD	<i>Hoa</i>	1	0	6.0	5.0	5.2	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD	<i>Hoai</i>	1	7.0	5.5	7.0	7.0	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154032	CAO VĂN HOAN	DH12OT	<i>Hoan</i>	1	9.0	5.0	7.0	7.1	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD	<i>Hoan</i>	1	9.0	6.5	7.0	7.4	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138098	PHAN HUY HOÀNG	DH12TD	<i>H</i>	1	9.0	6.0	5.5	8.2	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH12OT	<i>Hoàng</i>	1	7.0	6.0	4.0	5.3	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	09118006	VÕ BÁ HOÀNG	CD12CI	<i>✓</i>	✓					10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13137069	NGUYỄN MẠNH HÙNG	DH13NL	<i>Minh</i>	1	9.0	6.5	2.5	4.7	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD	<i>Hùng</i>	1	9.0	7.5	7.5	7.9	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ lưu chất-207202

Ngày thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	12137021	PHẠM ĐỨC HUY	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	90	60	60	67	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10154063	PHẠM CHÁNH HƯNG	DH10OT	<i>[Signature]</i>	1	90	40	95	84	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12153046	VŨ QUANG HƯNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	90	75	35	55	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	70	40	10	31	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	60	65	70	71	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12138121	LÊ PHÚC KHÁNH	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	90	70	85	84	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153074	TRẦN TRỌNG KHIÊM	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	90	75	70	76	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12137028	NGUYỄN VĂN KHOA	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	60	50	85	77	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12118021	BÙI XUÂN LÂM	DH12CC	<i>[Signature]</i>	1	80	55	85	80	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153097	TRƯƠNG NHỊ LÂM	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	0	0	30	18	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	10154019	NGUYỄN KỲ LÂN	DH10OT	<i>[Signature]</i>	1	90	40	95	84	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	90	0	65	58	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH	DH10CC	<i>[Signature]</i>	1	70	85	55	67	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	90	55	60	66	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	90	50	85	80	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12154166	ĐÌNH VĂN LỢI	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	90	40	80	75	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT	<i>[Signature]</i>	1	80	50	55	61	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Hợ c : Cơ lưu chấ t-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
52	12153197	TÔ THÁI MINH	DH12CD	<i>Minh</i>	1	0	5.5	2.0	3.3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154070	VŨ HỮU NGHĨA	DH12OT	<i>Hữu</i>	1	9.0	6.5	9.5	8.9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH12OT	<i>Xuân</i>	1	9.0	6.0	7.5	7.6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12137034	VŨ THANH NHANH	DH12NL	<i>Thanh</i>	1	7.0	6.5	6.0	6.6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH12OT	<i>Nhâm</i>	1	9.0	8.5	6.0	7.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12154138	MAI THÀNH NHÂN	DH12OT	<i>Thành</i>	1	6.0	7.0	6.0	6.6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT	<i>Nhinh</i>	1	9.0	4.5	8.5	7.9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD	<i>Phát</i>	1	9.0	5.5	7.0	7.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12154152	NGUYỄN TẤN PHÁT	DH12OT	<i>Phát</i>	1	9.0	5.0	5.5	6.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD	<i>Tuấn</i>	1	1.0	7.5	7.0	6.8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD	<i>Phong</i>	1	8.0	4.0	5.5	5.9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiệu điểm: 60

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm ghi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	13138154	HUYỀN VĂN PHÚC	DH13TD	<i>Phúc</i>		80	40	70	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH12OT	<i>Phương</i>		70	55	70	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD	<i>Quang</i>		60	70	75	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD	<i>Quí</i>		40	75	35	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD	<i>Quỳnh</i>		60	65	75	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD	<i>Sang</i>		70	85	35	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH12OT	<i>Sang</i>		70	60	45	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118022	ĐINH CÔNG SƠN	DH12CK	<i>Sơn</i>		50	35	65	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12118082	LÊ VĂN SƠN	DH12CK	<i>Sơn</i>		50	20	80	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH12OT	<i>Sơn</i>		30	45	75	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH12OT	<i>Sơn</i>		60	55	55	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH12OT	<i>Sơn</i>		70	85	55	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD	<i>Tài</i>		10	60	45	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153139	ĐỖ TRỌNG TÂM	DH12CD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138183	VŨ MINH TÂM	DH13TD	<i>Tâm</i>		70	60	85	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT	<i>Tân</i>		90	60	70	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118023	THẦN THIÊN TÂN	DH12CC	<i>Tân</i>		90	70	35	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm ghi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT			7.0	1.5	0.5	1.8		
19	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	DH12CD			0	4.5	3.5	4.0		
20	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH12OT			9.0	7.0	8.5	8.4		
21	12154179	TRẦN TRUNG	DH12OT			9.0	6.0	8.5	8.2		
22	12153012	LÂM MINH	DH12CD			8.0	5.0	9.5	8.5		
23	12153144	LƯU THẾ	DH12CD			7.0	6.5	4.5	5.7		
24	11154019	TRƯƠNG HỮU	DH11OT			7.0	6.5	6.0	6.6		
25	12153183	TRẦN THANH	DH12CD			8.0	6.5	6.5	7.0		
26	12153146	NGUYỄN LÝ	DH12CD			0	5.5	1.0	2.7		
27	11154020	VŨ TRẦN	DH11OT			9.0	4.0	6.0	6.3		
28	12154204	VẠN NGỌC	DH12OT			9.0	8.5	7.5	8.1		
29	12154193	VÕ MẠNH	DH12OT			6.0	5.0	6.0	6.2		
30	13118306	NGUYỄN CHU	DH13CC			8.0	0	1.5	2.2		
31	13118307	NGUYỄN TRIỆU	DH13CK			8.0	5.0	7.0	7.0		
32	12137003	LÊ THÀNH	DH12NL								
33	12138005	LÊ THÀNH	DH12TD			8.0	6.0	8.5	8.1		
34	12138130	PHẠM VIỆT	DH12TD			7.0	5.5	4.5	5.5		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Học c : Cơ lư u chấ t-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm m 60 thi	Điểm m T. kế t	Tô trỏ n điểm m phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm m phầ n lẻ
35	12153156	NGÔ NHẬT	TRƯỜNG	DH12CD		80	55	75	74		
36	12138103	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	DH12TD		80	40	50	56		
37	12138134	VÕ DÌNH	TRƯỜNG	DH12TD		90	65	60	68		
38	12153014	CAO MINH	TÚ	DH12CD		90	70	55	66		
39	13137157	ĐOÀN NHẬT	TÚ	DH13NL		70	55	50	58		
40	13334236	PHẠM MINH	TÚ	CD13CI		60	60	60	64		
41	12138104	PHẠM VĂN	TUẤN	DH12TD		90	60	70	73		
42	12138107	VŨ MINH	TUẾ	DH12TD							
43	12153123	THIỀU DUY	TÙNG	DH12CD		70	50	20	39		
44	12138083	BÙI MINH	VI	DH12TD		80	65	55	64		
45	12153160	PHẠM VĂN	VIỆN	DH12CD		90	55	50	60		
46	12118105	NGUYỄN THANH	VINH	DH12CC		70	40	65	64		
47	12118106	PHẠM VĨNH	VŨ	DH12CC		80	60	65	69		
48	12153126	TRƯƠNG QUANG	VŨ	DH12CD		70	65	60	66		
49	13334250	LÂM VĂN HOÀI	XUÂN	CD13CI							

Số lượng vắng: 4

Hiệu điểm n: 45

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận n củ a khoa/bộ mō n

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp kỹ thuật - 267219

Ngày thi : 19/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 60	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT	An	1	9,0	9,0	6,5	7,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT	Bao	1	9,0	8,0	9,5	9,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
3	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT	Tuan	1	8,0	7,0	9,5	8,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
4	12153140	VÕ VĂN QUỐC ANH	DH12CD	Quoc	1	6,0	7,0	4,0	5,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
5	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH12OT	Tien	1	8,0	6,5	9,5	8,6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
6	09153039	PHÙNG HUY BÌNH	DH09CD	Huy	1	7,0	3,5	6,5	6,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
7	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH12OT	Quang	1	9,0	9,0	6,0	7,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
8	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD	Canh	1	9,0	7,0	8,0	8,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
9	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI	Chau	1	9,0	8,0	6,0	7,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
10	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI	Chi	1	5,0	5,0	1,0	2,6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
11	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠN	DH12CD	Huong	1	6,0	5,0	5,5	5,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
12	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH12OT	Cuong	1	9,0	8,0	8,0	8,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
13	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD	Anh	1	7,0	7,0	9,0	8,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
14	12154039	TRẦN TIÊN DŨNG	DH12OT	Tien	1	9,0	9,0	9,0	9,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
15	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH12OT	Thai	1	9,0	8,0	9,0	8,8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
16	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	Da	1	7,0	5,0	6,0	6,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
17	12344036	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	CD12CI	Thanh	1	8,0	5,0	4,5	5,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp kỹ thuật 207219

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12153167	TRƯƠNG PHÁT	ĐAT	DH12CD	1	9,0	7,0	9,0	8,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154205	NGÔ HỒ	DIỆP	DH12OT	1	9,0	8,5	9,0	8,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153059	HỒ ANH	ĐỒNG	DH12CD	1	8,0	7,0	6,0	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	EM	DH12OT	1	9,0	8,0	7,0	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	GIANG	DH12OT	1	5,0	9,0	6,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153065	TRẦN VĂN	HÀNH	DH12CD	1	9,0	7,0	6,0	6,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153018	DƯƠNG SỸ	HÀNH	DH12CD	1	3,0	4,0	3,5	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154226	KIỀU VĂN	HÂN	DH12OT	1	9,0	6,0	8,0	7,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153011	NGUYỄN PHƯỚC	HẬU	DH10CD	1	9,0	6,5	6,5	7,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154092	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	DH12OT	1	9,0	8,5	7,0	7,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153168	PHAN PHỤNG	HIỆP	DH12CD	1	6,0	7,5	6,0	6,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154104	ĐẶNG NGỌC	HÒA	DH12OT	1	3,0	8,0	6,0	7,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153080	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH12CD	1	4,0	3,5	0	1,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154032	CAO VĂN	HOÀN	DH12OT	1	9,0	7,5	7,0	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154007	ĐẶNG MINH	HOÀNG	DH11OT	1	9,0	8,0	8,5	8,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344055	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	CD12CI	1	9,0	8,0	8,0	8,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154102	TRẦN TUẤN	HOÀNG	DH12OT	1	9,0	6,0	6,0	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Nghiệp kỹ thuật 207219

Ngày thi : 19/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12154087	MÃ NHẬT HUY	DH12OT	<i>Mã</i>	1	9,0	7,0	6,0	6,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG	DH12CD	<i>Ph</i>	1	8,0	6,0	6,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12154231	THÁI XUÂN	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	9,0	7,5	7,5	7,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
✓ 38	12344200	TRẦN QUỐC	CD12CI	<i>✓</i>	✓	6,0	6,0	0	2,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12153046	VŨ QUANG	DH12CD	<i>Qu</i>	1	9,0	9,0	6,5	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12153176	ĐOÀN TỐ	DH12CD	<i>Đu</i>	1	9,0	7,0	9,0	8,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154066	TRẦN CÔNG KHANG	DH12OT	<i>Trang</i>	1	8,0	5,0	9,0	8,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154117	NGUYỄN DUY KHANH	DH12OT	<i>Đu</i>	1	4,0	2,0	7,5	5,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH12OT	<i>Đu</i>	1	9,0	8,5	9,0	8,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153074	TRẦN TRỌNG	DH12CD	<i>Đu</i>	1	8,0	7,5	9,0	8,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154120	BÙI NGỌC KHOA	DH12OT	<i>Đu</i>	1	9,0	5,5	8,5	8,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
✓ 46	12153089	NGUYỄN HOÀNG ANH	DH12CD	<i>✓</i>	✓	0	0	0	0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154232	NGUYỄN VIỆT LÃM	DH12OT	<i>Đu</i>	1	8,0	5,0	5,5	5,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI	<i>Đu</i>	1	6,0	7,0	6,0	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12154166	ĐINH VĂN LỢI	DH12OT	<i>Đu</i>	1	9,0	9,0	8,5	8,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT	<i>Đu</i>	1	8,0	7,0	7,0	7,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Văn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nhiệt kỹ thuật-207219

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phóng thi TV302 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	11154042	NGÔ HOÀNG	LUẬN	DH11OT		9,0	6,5	6,0	6,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
2	12154239	NGUYỄN VĂN	LUẬN	DH12OT		3,0	4,0	5,0	4,4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
3	12153179	ĐÌNH QUANG	LƯÔNG	DH12CD		7,0	4,0	6,0	5,8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
4	12153006	TRƯƠNG HOÀI	NAM	DH12CD		6,0	4,0	5,5	5,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
5	12154070	VŨ HỮU	NGHĨA	DH12OT		9,0	5,0	7,0	7,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
6	12153087	HỒ VĂN	NHÂN	DH12CD		9,0	7,0	7,0	7,4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
7	12344186	HUỶNH DUY	PHÁT	CD12CI		9,0	6,0	3,5	5,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
8	12153068	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	DH12CD		9,0	6,5	6,0	6,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
9	12154167	NGUYỄN VĂN	QUẢ	DH12OT		9,0	6,5	9,5	8,8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
10	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	DH12OT		7,0	6,5	8,5	7,8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
11	12154235	NGUYỄN ĐÌNH	QUÝ	DH12OT		6,0	5,0	5,5	5,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
12	12154008	NGUYỄN CHỨC	QUYÊN	DH12OT		9,0	6,5	6,5	7,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
13	12153130	ĐỖ VĂN	SANG	DH12CD		7,0	5,0	7,0	6,6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
14	12154089	NGUYỄN VĂN	SANG	DH12OT		7,0	7,5	8,0	7,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
15	12153181	ĐẶNG QUỐC	SỸ	DH12CD		0	0	0	0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
16	11154043	TRẦN ĐỨC	TÀI	DH11OT		9,0	2,5	4,5	5,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
17	12154083	LÊ THANH	TÂM	DH12OT		9,0	8,0	9,5	9,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nhiệt kỹ thuật - 207219

Ngày thi : 19/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phóng thi TV302 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (2%)	Đ 2 (2%)	Điểm thi 60	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
✓ 18	12154174	LÊ TRẦN MINH	TÂM	DH12OT		0	0	0	0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
19	12344113	VŨ THIÊN	TÂM	CD12CI	<i>Cam</i>	7,0	3,0	7,0	6,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	12154132	NGUYỄN MINH	TÂN	DH12OT	<i>Ch</i>	9,0	7,0	9,5	8,9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
21	12154133	NGUYỄN MINH	TÂN	DH12OT	<i>Ch</i>	9,0	7,5	9,5	9,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
22	08118015	LƯƠNG HOÀNG	THÁI	DH08CK	<i>Ch</i>	2,0	6,5	7,5	6,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
23	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	THÁI	DH12CD	<i>Ch</i>	9,0	4,0	8,0	7,4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
24	11344041	NGUYỄN VĂN	THẢO	CD11CI	<i>Ch</i>	5,0	4,0	7,0	6,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
25	12154182	PHAN DUY	THẨM	DH12OT	<i>Ch</i>	7,0	5,0	6,0	6,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
26	12153144	LƯU THẾ	THẮNG	DH12CD	<i>Phan</i>	7,0	6,5	5,0	5,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
27	12153143	PHẠM QUỐC	THẮNG	DH12CD	<i>Ch</i>	7,0	6,0	4,5	5,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
28	12153141	TRẦN NGỌC	THẮNG	DH12CD	<i>Ch</i>	7,0	7,0	4,0	5,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
✓ 29	12153016	VÕ CAO	THẮNG	DH12CD		4,0	0	0	0,8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
30	12153173	ĐOÀN LÝ	THUYẾT	DH12CD	<i>Ch</i>	5,0	6,5	8,5	7,4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
31	12154192	TRẦN VĂN	TIỀN	DH12OT	<i>Ch</i>	9,0	9,0	9,0	9,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
32	12154198	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH12OT	<i>Ch</i>	9,0	2,5	9,0	7,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
33	12154197	TRẦN NGỌC	TOÀN	DH12OT	<i>Ch</i>	9,0	4,0	9,0	8,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
34	12154018	NGUYỄN VĂN	TRANG	DH12OT	<i>Ch</i>	9,0	8,0	9,0	8,8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Mã nhậ n da ng00831

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Nhiê t kỹ thuậ t-267219

Ngày thi : 19/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
35	12154043	DƯƠNG NHẬT	TRƯỜNG	DH12OT			9,0	4,0	8,5	7,7	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
36	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUẤN	DH12CK			8,0	6,5	6,5	6,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
37	12153192	NGÔ QUANG	TUẤN	DH12CD			7,0	6,0	5,0	5,6	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
38	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH12CD			9,0	6,5	6,5	7,0	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
39	12154156	NGUYỄN MINH	TUẤN	DH12OT			5,0	0	3,5	3,1	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
40	12344052	PHẠM CHẾ	TUẤN	CD12CI			8,0	5,5	4,0	5,1	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
41	12154158	NGUYỄN VŨ VẤN	TUỆ	DH12OT			9,0	7,0	8,0	8,0	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
42	12154011	LÊ PHÚ	TÙNG	DH12OT			9,0	7,0	6,0	6,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
43	12154241	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	DH12OT			5,0	6,5	6,0	5,9	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
44	12344093	CAO TRẦN NHẬT	VĨ	CD12CI			2,0	4,0	0	1,2	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
45	12153165	NGUYỄN THANH	VĨ	DH12CD			6,0	7,0	4,0	5,0	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
46	12153160	PHẠM VĂN	VIỆN	DH12CD			9,0	7,0	9,5	8,9	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
47	12153162	HOÀNG TRỌNG	VINH	DH12CD			5,0	4,0	0	1,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
48	12153164	VŨ XUÂN	VINH	DH12CD			7,0	2,0	1,5	2,7	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
49	12153126	TRƯƠNG QUANG	VŨ	DH12CD			6,0	7,0	7,0	6,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
50	12154013	LÝ KIM	XÁC	DH12OT			9,0	9,0	8,5	8,7	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

Số lượng vắ-nc: 3

Hiện diện: 42

Cán bộ coi thi 1

Cả n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả - 207504

Ngày thi : 16/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m. T. kết t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11154001	TRẦN THẾ AN	DH11OT			10	8	8,5	8,6		
2	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD			5	10	3	3,9		
3	09153039	PHÙNG HUY BÌNH	DH09CD			7	5	5,5	5,6		
4	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI			6	5	5,5	5,5		
5	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC			10	5	4	4,7		
6	10154057	VÕ THÀNH CÔNG	DH10OT			5	5	9	8,2		
7	12137002	LÊ HÙNG CƯỜNG	DH12NL			7	8	6	6,3		
8	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH12OT			6	5	5,5	5,5		
9	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD			10	5	5,5	5,9		
10	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD			10	10	9	9,2		
11	12154063	BÙI THÁNH DUY	DH12OT			10	7	8,5	8,5		
12	12118019	HỒ TẤN DUY	DH12CK			10	10	8	8,4		
13	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD			5	9	8	7,8		
14	12344032	NGUYỄN TRÚNG DƯƠNG	CD12CI			7	5	3	3,6		
15	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD			10	10	2	3,6		
16	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT			5	10	9,5	9,1		
17	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT			10	10	8,5	8,8		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật Trồng cây ăn trái & thú y lý c-207504

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL	<i>Đua</i>		5	7	9	8,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	<i>nguyễn</i>		5	5	6,5	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT	<i>thanh</i>		5	5	9	8,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344169	LÊ MINH HÓA	CD12CI	<i>minh</i>		6	5	5,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153079	VÕ VĂN HUY	DH12CD	<i>huy</i>		9	5	7	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118113	PHAN THÁI HOC	DH12CX	<i>hoc</i>		10	10	5,5	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC	<i>huân</i>		0	0	4	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344094	HUỖNH DUY KHÁNH	CD12CI	<i>kh</i>		0	0	3	2,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 01 Hiện diện : 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa
Lê Quang Hiến

Bích
TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Văn Công Chính

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật Trồng cây ăn quả & thú y học-207504

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL	Lịch		7	5	6,5	6,4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	11119006	HỒ TÀI	DH11CC	Tài		8	8	9,5	9,2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT	Lương		10	10	5,5	6,4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD	Minh		9	5	1	2,2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL	Minh		5	7	5,5	5,6	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD	Nam		0	0	2	1,6	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD	Nam		10	5	7	7,1	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	07153064	NGUYỄN VĂN NGHĨ	DH08CD	Nghĩ		10	5	5,5	5,9	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	10119027	VŨ TRỌNG NGHĨA	DH10CC	Nghĩa						(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12154138	MAI THÁNH NHÂN	DH12OT	Nhanh		5	5	8	7,4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI	Pháp		5	5	4	4,2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12154152	NGUYỄN TẤN PHÁT	DH12OT	Phát		10	10	7	7,6	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12137054	BÙI VĂN PHÚC	DH12NL	Phúc		7	8	8	7,9	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI	Phúc		8	5	3	3,7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC	Hồng		8	8	9	8,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD	Quang		10	10	8,5	8,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12154206	PHẠM HÙNG QUYỀN	DH12OT	Quyền		10	5	8	7,9	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật TĐ khi né n & thủ y lực c-207504

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi PV400B Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	11154013	NGÔ VĂN QUYẾT	DH11OT	<i>Quyết</i>	10	8	5	3	3,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12344191	HÀ TẤN TÀI	CD12CI	<i>Tài</i>	5	5	5	3	3,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD	<i>Tâm</i>	5	9	6,5	6,6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344113	VŨ THIÊN TÂM	CD12CI	<i>Tâm</i>	8	5	3	3	3,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT	<i>Tân</i>	10	5	0	8,7	8,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD	<i>Tây</i>	10	10	7,5	8,0	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10154041	ĐỖ TẤN THÁI	DH10OT	<i>Thái</i>	6	5	5,5	5,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT	<i>Thanh</i>	10	7	9	8,9	8,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT	<i>Thành</i>	10	8	6	6,6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH12OT	<i>Thành</i>	10	10	9,5	9,6	9,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH12OT	<i>Thành</i>	10	5	3	3,9	3,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10154040	HUỖNH THẢO	DH10OT	<i>Thảo</i>	0	0	3	2,4	2,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>	5	10	8	7,9	7,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154234	NGUYỄN NGỌC THÍCH	DH12OT	<i>Thích</i>						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154062	NGUYỄN MINH TIẾN	DH11OT	<i>Tiến</i>	10	10	8,5	8,8	8,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH11OT	<i>Tiến</i>	8	5	4	4,5	4,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12137058	NGÔ HỮU TOÀN	DH12NL	<i>Toàn</i>	5	10	5,5	5,9	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật Trồng và Chăm sóc cây ăn trái

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thi PV400B Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
35	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD		10	10	10	9,5	9,6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
36	12137051	PHẠM ANH TUẤN	DH12NL		7	5	5,5	5,5	5,6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
37	11154053	HUỶNH THANH TÙNG	DH11OT		10	10	6,5	7,2	7,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
38	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL		7	5	5,5	5,5	5,6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
39	12153166	VŨ MINH VƯƠNG	DH12CD		-					(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng : 3

Hiện diện : 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Trung Nam

Phan Minh Tuấn

TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Văn Công Chính